Biểu mẫu 13

UBND HUYỆN SÓC SƠN

TRUNG TÂM GDNN – GDTX HUYỆN SÓC SƠN

THÔNG BÁO

Công khai cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục thường xuyên, năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		10	11	12	…
I	Điều kiện tuyển sinh	-Hs tốt nghiệp THCS, trong độ tuổi tuyển sinh vào lớp 10 có hộ khẩu tại TPHN	- Học sinh sinh sống trên địa bàn - Học sinh đủ điều kiện lên lớp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Học sinh chuyển trường phải đầy đủ theo quy định		
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	-Thực hiện chương trình giáo dục theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo, Sở GD&ĐT Hà Nội			
III	Yêu cầu phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu thái độ học tập của học viên	- Nhà trường và gia đình có quy chế phối hợp chặt chẽ trong việc quản lí, giáo dục toàn diện học sinh. Duy trì thường xuyên thông tin liên lạc hai chiều giữa nhà trường và gia đình, hoạt động BĐD CMHS đúng văn bản chỉ đạo hiện hành. Ban đại diện trường lớp có đủ thành phần cơ cấu theo quy định. - Mọi học sinh phải thực hiện tốt nội quy, quy định trong nhà trường. Tích cực siêng năng học tập và rèn luyện để đạt kết quả tốt.			
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học viên ở cơ sở giáo dục	- Được tham gia các hoạt động Đoàn, Hội, ..., các hoạt động xã hội khác. - Được tham gia các phong trào văn hóa văn nghệ- TDTT. Được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ các nguồn đóng góp, ban đại diện CMHS, kinh phí nhà trường. - Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực, cảnh quan môi			

		trường xanh, sạch, đẹp. - Hưởng ứng và tham gia các phong trào, hội thi do Ngành, trường phát động.	
V	Kết quả hạnh kiểm, học tập, sức khỏe của học viên dự kiến đạt được	- Đạo đức học sinh: 100% hs thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của người học sinh. - Học tập: Phấn đấu 90% được lên lớp thẳng và 95% tốt nghiệp GDTX THPT. - Sức khỏe: Chăm sóc tốt sức khỏe học đường, có biện pháp tích cực trong việc phòng chống các dịch bệnh thông thường, khám sức khỏe định kì mỗi năm học.	
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học viên	- Học viên có thể học lên Đại học, Cao đẳng, Trung cấp, học nghề.	

Sóc Sơn, ngày 25 tháng 01 năm 2024

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Chín

Biểu mẫu 14

UBND HUYỆN SÓC SƠN

TRUNG TÂM GDNN – GDTX HUYỆN SÓC SƠN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của cơ sở giáo dục thường xuyên, năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	Lớp...
I	**Số học viên thuộc diện xếp loại hạnh kiểm**	**1296**	**484**	**374**	**438**	
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	68,3%	72,3%	62,3%	70,3%	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	23,7%	22,7%	31,0%	17,4%	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	4,26%	5,6%	5,1%	2,1%	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0,8%	1,0%	1,6%	0%	
II	**Số học viên chia theo học lực**	1296	484	374	438	
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	6,9 %	5,2%	3,7%	11,9%	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	57,9 %	48,8%	35,9%	88,1%	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	32,9%	42,4%	56,4%	0%	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	2,5%	3,5%	4%	0%	
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0,06%	0,2%	0%	0%	

III	**Tổng hợp kết quả cuối năm**	**858**	**484**	**374**		
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	94,6	93,8%	95,4%		
a	Học viên giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	4,45%	5.2%	3,7%		
b	Học viên tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	42,35%	48,8%	35,9%		
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0.5%	0.6%	0,4%		
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0,15%	0.2%	0.1%		
4	Bỏ học (tỷ lệ so với tổng số)	4,35%				
IV	**Số học viên dự xét hoặc thi tốt nghiệp**	**438**				
V	**Số học viên được công nhận tốt nghiệp**	**432**				
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	0			0	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	0			0	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	100%			100%	
VI	**Số học viên thi đỗ đại học, cao đẳng** (tỷ lệ so với tổng số)	20%			20%	
VII	**Số học viên vào học các cơ sở GD nghề nghiệp khác** (tỷ lệ so với tổng số)	25%			25%	

B. Đào tạo liên kết hình thức vừa làm vừa học, từ xa (đại học, cao đẳng sư phạm, trung cấp)

STT		Trình độ đào tạo	Quy mô đào tạo	Số học viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp			Tỷ lệ học viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (Đối với học viên chưa có việc làm)
					Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	
I	**Tổng số**							
II	**Liên kết đào tạo hình thức vừa làm vừa học**	0						
1	Điện Lạnh	T/C	80	80	01	5	40	100%
2	Nấu ăn	T/C	40	40		4	26	100%
3	Hàn	T/C	35	35		05	25	100%
4	Tiếng Nhật	T/C	30	30			20	100%
5	Kế Toán	T/C	43	43		01	25	100%
6	Điện Dân dụng	T/C	45	45		02	30	100%
III	**Liên kết đào tạo hình thức từ xa**	0						
1	Chuyên ngành	0						
2	....	0						
IV	**Chương trình đào tạo, bồi dưỡng liên kết với các doanh nghiệp**	0						
1	Chuyên ngành							
2	....							

C. Các chương trình bồi dưỡng, đào tạo khác

STT	Chương trình bồi dưỡng, đào tạo	Số người tham gia	Thời gian bồi dưỡng, đào tạo (tháng)	Số người được cấp chứng chỉ (nếu có)
1	Sơ cấp may CN	30	03	30

Sóc Sơn, ngày 25 tháng 01 năm 2024

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP-GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN HUYỆN SÓC SƠN

Nguyễn Văn Chín

Biểu mẫu 15

UBND HUYỆN SÓC SƠN

TRUNG TÂM GDNN – GDTX HUYỆN SÓC SƠN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục thường xuyên, năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Số phòng học**	40	-
II	**Loại phòng học**		-
1	Phòng học kiên cố	40	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	0	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	
7	Bình quân lớp/phòng học	1	
8	Bình quân học sinh/lớp	40	
III	**Số điểm trường**	2	Số m^2/học viên
IV	**Tổng số diện tích đất** (m^2)	37.748 m^2	
V	**Tổng diện tích sân chơi, bãi tập** (m^2)	4000	
VI	**Tổng diện tích các phòng**		
1	Diện tích phòng học (m^2)	30	
2	*Diện tích phòng thí nghiệm (m^2)*	0	
3	*Diện tích thư viện (m^2)*	25	
4	*Diện tích phòng lao động sản xuất (m^2)*	0	
5	*Diện tích phòng thực hành (m^2)*	360	
6	*Diện tích xưởng sản xuất (m^2)*	360	
VII	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	26	
1.1	Khối lớp 10	11	01 bộ/lớp
1.2	Khối lớp 11	7	01/lớp

1.3	Khối lớp 12	8	01/lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
2.1	Khối lớp 10	0	
2.2	Khối lớp 11	0	
2.3	Khối lớp 12	0	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	
4	...		
VIII	**Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập** (Đơn vị tính: bộ)	20	Số học sinh/bộ
IX	**Tổng số thiết bị dùng chung khác**		Số thiết bị/lớp
1	**Ti vi**	0	
2	**Cát xét**	0	
3	**Đầu Video/đầu đĩa**	0	
4	**Máy chiếu OverHead/projector/vật thể**	25	
5	**Thiết bị khác...**	3	
6	**.....**		

	Nội dung	Số lượng (m^2)
X	**Nhà bếp**	0
XI	**Nhà ăn**	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m^2)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	**Phòng nghỉ cho học viên bán trú**	0		
XIII	**Khu nội trú**	0		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học viên		Số m^2/học viên	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	4		12		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

*(*Theo Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).*

	Nội dung	Có	Không
XV	**Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh**	X	
XVI	**Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)**	X	
XVII	**Kết nối internet**	X	
XVIII	**Trang thông tin điện tử (website) của trung tâm**	X	
XIX	**Tường rào xây**	X	

Sóc Sơn, ngày 25 tháng 01 năm 2024

GIÁM ĐỐC

ỦY BAN NHÂN DÂN H. SÓC SƠN TP HÀ NỘI
TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP-GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN HUYỆN SÓC SƠN

Nguyễn Văn Chín

Biểu mẫu 16

UBND HUYỆN SÓC SƠN
TRUNG TÂM GDNN – GDTX HUYỆN SÓC SƠN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục thường xuyên, năm học 2021 - 2022

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Ghi chú
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Trình độ khác	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	28	0	5		0	3		
I	**Giáo viên** Trong đó số giáo viên dạy môn:	11		3	8	0	0	0	
1	Toán	2		0	2	0	0	0	
2	Lý	1		0	0	0	0	0	
3	Hóa	0		1	0	0	0	0	
4	Sinh	1		0	1	0	0	0	
5	Văn	2		1	1	0	0	0	
6	Sử	1		1	0	0	0	0	
7	Địa	1		0	1	0	0	0	
8	NN	2		0	2	0	0	0	
9	Tin	1		0	1	0	0	0	
II	**Cán bộ quản lý**	3		2	1				
1	Giám đốc	1		1					
2	Phó giám đốc	2		1	1				
III	**Nhân viên**	15							
1	Nhân viên văn thư	1					1		
2	Nhân viên kế toán	1			1				
3	Thủ quỹ	1			1				
4	Nhân viên y tế	1					1		
5	Nhân viên thư viện	1						1	
6	Nhân viên khác	10			7	1	1	1	

Sóc Sơn, ngày 25 tháng 01 năm 2024

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Chín